

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**QUỐC HỘI****QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 21/2008/QH12

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2008

NGHỊ QUYẾT**về dự toán ngân sách nhà nước năm 2009****QUỐC HỘI****NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Báo cáo số 14/BC-CP ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ trình Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2009; Báo cáo thẩm tra số 479/BC-UBTCNS12 ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội; Báo cáo số 19/BC-CP ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh đánh giá thực hiện ngân sách nhà nước năm 2008, dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2009:

- Tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là 389.900 tỷ đồng (ba trăm tám mươi chín nghìn chín trăm tỷ đồng), bằng 21,5% tổng sản phẩm trong nước; tính cả 14.100 tỷ đồng thu chuyển nguồn năm 2008 sang năm 2009 thì tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là 404.000 tỷ đồng (bốn trăm linh bốn nghìn tỷ đồng);

- Tổng số chi cân đối ngân sách nhà nước là 491.300 tỷ đồng (bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm tỷ đồng);

- Mức bội chi ngân sách nhà nước là 87.300 tỷ đồng (tám mươi bảy nghìn

ba trăm tỷ đồng), bằng 4,82% tổng sản phẩm trong nước.

(Kèm theo các phụ lục số 1, 2, 3, 4 và 5)

Điều 2. Tán thành các giải pháp thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 đã được bổ sung do Chính phủ trình và kiến nghị của Ủy ban Tài chính - Ngân sách trong Báo cáo thẩm tra, đồng thời nhấn mạnh những giải pháp trọng tâm dưới đây:

1. Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi, giảm bội chi ngân sách. Phối hợp đồng bộ chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và các chính sách khác để tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu kiềm chế lạm phát, chủ động ngăn ngừa suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh tế phát triển.

2. Chính phủ khẩn trương tổ chức thực hiện tốt các luật thuế đã được sửa đổi, có hiệu lực từ năm 2009 như Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chính sách thuế khác cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới, phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế. Giao Chính phủ quy định

điều kiện và thực hiện miễn, giảm, giãn tiền độ nộp thuế có thời hạn đối với một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện ráo riết hơn công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế, giảm tối đa số thuế nợ đọng, chống thất thu thuế, xử lý nghiêm các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế. Tiếp tục rà soát để giảm, bãi bỏ những khoản phí, lệ phí không còn phù hợp, kịp thời ngăn chặn tình trạng lạm dụng, tạo ra các khoản đóng góp bất hợp lý dưới mọi hình thức.

3. Thực hiện nghiêm quy định Luật ngân sách nhà nước. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng ưu tiên chi cho an sinh xã hội; tăng chi có trọng điểm cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và những vùng khó khăn, nhất là 61 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất; bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo đảm tốt hơn khả năng thực hiện nhiệm vụ của lực lượng vũ trang. Hạn chế và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi vượt dự toán. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước để tăng đầu tư phát triển. Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu công, sử dụng ngân sách đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả. Rà soát kỹ nguồn vốn nhà nước bố trí cho các dự án, công trình thuộc trách

nhiệm đầu tư của ngân sách nhà nước giao cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện. Không bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình không thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước đầu tư.

4. Năm 2009 phát hành trái phiếu Chính phủ không quá 36.000 tỷ đồng để tiếp tục tập trung đầu tư các dự án, công trình giao thông, thủy lợi, kiên cố hóa trường lớp học, xây dựng nhà công vụ cho giáo viên miền núi, vùng sâu, vùng xa, nâng cấp bệnh viện huyện; đồng thời, bố trí vốn theo lộ trình để thực hiện Nghị quyết số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội đầu tư bệnh viện đa khoa khu vực liên huyện, bệnh viện lao, tâm thần, ung bướu, chuyên khoa nhi, trạm y tế xã và một số bệnh viện đa khoa tỉnh thuộc vùng miền núi khó khăn. Cần rà soát danh mục đầu tư, loại bỏ các dự án, công trình thi công kéo dài, kém hiệu quả; bổ sung dự án, công trình cấp bách, sớm phát huy hiệu quả. Chính phủ báo cáo phương án phân bổ cụ thể vốn trái phiếu Chính phủ với Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi quyết định, triển khai thực hiện. Tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, tạo điều kiện khởi công sớm, giải ngân vốn kịp thời, bảo đảm hoàn thành công trình đúng tiến độ.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư

phát triển, đặc biệt là ở đô thị và lĩnh vực giáo dục - đào tạo - dạy nghề, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao và các lĩnh vực khác; tăng đầu tư cho các tỉnh khó khăn, còn nghèo và một số lĩnh vực bức thiết khác.

6. Năm 2009 nằm trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2007 - 2010, ngân sách trung ương phải bảo đảm chủ động xử lý những vấn đề lớn, quan trọng của quốc gia, đồng thời có cơ chế khuyến khích các cấp tăng thu và được hưởng hợp lý kết quả tăng thu so với nhiệm vụ nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp kinh tế thế giới và trong nước có biến động lớn, ảnh hưởng đến cân đối thu, chi ngân sách nhà nước năm 2009 đã được Quốc hội quyết định, Chính phủ kịp thời báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội để quyết định theo thẩm quyền, báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất hoặc trình Quốc hội quyết định theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

8. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc thực hiện pháp luật về tài chính - ngân sách, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh mọi vi phạm.

Điều 3. Giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2009

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban

Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước một cách thiết thực, hiệu quả trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2008./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Phú Trọng

Phụ lục số 1

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009
	A. TỔNG THU CHI CÂN ĐỐI NSNN	389.900
1	Thu nội địa	233.000
2	Thu từ dầu thô	63.700
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	88.200
4	Thu viện trợ không hoàn lại	5.000
	B. KẾT CHUYỂN TỪ NĂM TRƯỚC SANG	14.100
	C. TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN	491.300
1	Chi đầu tư phát triển	112.800
2	Chi trả nợ và viện trợ	58.800
3	Chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính	696.300
4	Chi cải cách tiền lương	36.600
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100
6	Dự phòng	13.700
	D. BỘI CHI NSNN	87.300
	Tỷ lệ bội chi so GDP	4,82%
	Nguồn bù đắp bội chi NSNN	
1	Vay trong nước	71.300
2	Vay ngoài nước	16.000

Phụ lục số 2

CÂN ĐỐI NGUỒN THU CHI DỰ TOÁN NSTW VÀ NSDP NĂM 2009

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	
I	Nguồn thu ngân sách Trung ương	273.141
1	Thu ngân sách Trung ương hưởng theo phân cấp	263.141
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác	258.141
	- Thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại	5.000
2	Thu chuyển nguồn	10.000
II	Chi ngân sách Trung ương	360.441
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách Trung ương theo phân cấp	274.154
2	Bổ sung cho ngân sách địa phương	86.287
	- Bổ sung cân đối	(1) 45.897
	- Bổ sung có mục tiêu	40.390
III	Vay bù đắp bội chi NSNN	87.300
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Nguồn thu ngân sách địa phương	217.146
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	126.759
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	86.287
	- Bổ sung cân đối	(1) 45.879
	- Bổ sung có mục tiêu	40.390
3	Thu chuyển nguồn	4.100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009
II	Chi ngân sách địa phương	217.146
1	Chi cân đối ngân sách địa phương	176.756
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	40.390

Ghi chú: (1) Bao gồm cả số bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện điều chỉnh tiền lương tối thiểu mức 540.000 đồng/tháng.

Phụ lục số 3

DỰ TOÁN THU CÂN ĐỐI NSNN THEO LĨNH VỰC NĂM 2009

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2009
	Tổng thu NSNN	389.900
I	Thu nội địa	233.000
1	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	72.982
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể đầu thô)	51.499
3	Thu từ khu vực thương nghiệp - ngoài quốc doanh	46.597
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	42
5	Thuế thu nhập cá nhân	14.545
6	Lệ phí trước bạ	7.251
7	Thu phí xăng, dầu	5.371
8	Các loại phí, lệ phí	7.324
9	Các khoản thu về nhà, đất	24.539
a	Thuế nhà đất	952
b	Thu tiền thuê đất	1.877
c	Thu tiền sử dụng đất	21.000
d	Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	710
10	Thu khác ngân sách	2.166
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	684

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2009
II	Thu từ dầu thô	63.700
III	Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	88.200
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	121.200
a	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	56.600
b	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (tổng số thu)	64.600
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-33.000
IV	Thu viện trợ	5.000

Phụ lục số 4

**DỰ TOÁN CHI NSNN, CHI NSTW VÀ CHI NSĐP
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2009**

Đơn vị: Tỷ đồng

	Nội dung	Tổng số	Chia ra	
			NSTW	NSĐP
A	B	1 = 2 + 3	2	3
A	Tổng số chi cân đối NSNN	491.300	(1) 314.544	(2) 176.756
I	Chi đầu tư phát triển	112.800	61.300	51.500
	Trong đó:			
1	Chi Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	14.379	6.794	7.585
2	Chi khoa học, công nghệ	3.477	1.615	1.862
II	Chi trả nợ và viện trợ	58.800	58.800	
III	Chi phát triển sự nghiệp KT-XH, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể	269.300	160.231	109.069
	Trong đó			
1	Chi giáo dục, đào tạo, dạy nghề	67.330	14.730	52.600
2	Chi khoa học, công nghệ	4.390	3.310	1.080
IV	Chi cải cách tiền lương	36.600	26.613	9.987
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100		100
VI	Dự phòng	13.700	7.600	6.100

	Nội dung	Tổng số	Chia ra	
			NSTW	NSDP
A	B	$1 = 2 + 3$	2	3
B	Chi từ các khoản thu quản lý NSNN	46.960	37.340	9.620
C	Chi vay nước ngoài về cho vay lại	25.700	25.700	
	Tổng số (A + B + C)	563.960	377.584	186.376

Ghi chú: (1) Bao gồm cả 40.390 tỷ đồng bổ trí cân đối NSTW để thực hiện bổ sung có mục tiêu cho NSDP, nhưng đã loại trừ 45.897 tỷ đồng bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP.

(2) Bao gồm 45.897 tỷ đồng chi bổ sung từ NSTW cho NSDP (bổ sung cân đối và bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương theo mức lương tối thiểu 540.000 đồng/tháng) nhưng chưa bao gồm 40.390 tỷ đồng bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP.

Phụ lục số 5
CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NĂM 2009

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009
	TỔNG SỐ	46.960
I	Các khoản thu, chi quản lý qua NSNN	10.960
1	Phí sử dụng đường bộ	931
2	Phí đảm bảo an toàn hàng hải	409
3	Các loại phí, lệ phí khác và đóng góp xây dựng hạ tầng; thu chi tại xã	3.120
4	Thu xổ số kiến thiết	6.500
II	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ	36.000